

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**1. Tên học phần: Thực hành Thú y cơ sở (Basic Veterinary clinic practice)**

- Mã số học phần: NN348
- Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ
- Số tiết học phần: 60 tiết thực tế

**2. Đơn vị phụ trách học phần:**

- Bộ môn: Bộ môn Thú y
- Khoa/Viện/Trung tâm/Bộ môn: Khoa Nông nghiệp

**3. Điều kiện:**

- Điều kiện tiên quyết:
- Điều kiện song hành:

**4. Mục tiêu của học phần:**

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	Nắm vững và củng cố lại kiến thức của các học phần tiên quyết thông qua việc thực tập thực tế ở địa phương về lĩnh vực thú y	2.1.3a,e
4.2	Triển khai một số hoạt động trong thú y như tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, điều tra dịch tễ	2.2.1a
4.3	Rèn luyện khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, và tổng hợp thông tin	2.2.2a,b
4.4	Nhận thức được vai trò của ngành thú y và thú y viên cơ sở	2.3a

**5. Chuẩn đầu ra của học phần:**

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	<b>Kiến thức</b>		
CO1	Tiếp thu các kiến thức chuyên môn thực tế thông qua điều tra, phỏng vấn và phân tích các dữ liệu về dịch tễ thú y tại các địa phương	4.1	2.1.3a
CO2	Trình bày cách thức tổ chức và hoạt động chuyên môn của các cơ sở Thú y tại địa phương	4.1	2.1.3a,e
	<b>Kỹ năng</b>		
CO3	Thực hiện một số hoạt động trong thú y như tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, điều tra dịch tễ	4.2	2.2.1a
CO4	Khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, tiếp nhận và phân tích thông tin	4.3	2.2.2a,b

CĐR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CĐR CTĐT
	Kiến thức		
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CO5	Hình thành ý thức về vai trò của ngành Thú y, và Thú y viên cơ sở	4.4	2.3a
CO6	Xây dựng thái độ nghiêm túc, kỷ luật trong công việc	4.4	2.3a

### 6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này nhằm mục đích củng cố kiến thức chuyên ngành bằng cách tham gia vào thực tế công tác phòng chữa bệnh tại các cơ sở Thú y địa phương. Qua đó, sinh viên vừa được rèn nghề, cũng như tiếp thu các kiến thức thực tế trong công tác Thú y.

### 7. Cấu trúc nội dung học phần:

	Nội dung	Số tiết	CĐR HP
Nội dung 1.	Tìm hiểu về cơ cấu tổ chức của mạng lưới Thú y tại địa phương	10	CO1; CO2
Nội dung 2.	Điều tra, phân tích các dữ liệu dịch tễ Thú y tại địa phương	10	CO3; CO4
Nội dung 3.	Thực hiện công tác điều trị, tiêm phòng cho đàn vật nuôi tại địa phương	20	CO3; CO4
Nội dung 4.	Chẩn đoán phân biệt các bệnh lưu hành tại địa phương	10	CO3; CO4
Nội dung 5.	Tham quan cơ sở chăn nuôi tại địa phương	10	CO2; CO5

### 8. Phương pháp giảng dạy:

- Lý thuyết: ôn tập kiến thức chuyên môn liên quan trước khi đi thực tế; cung cấp biểu mẫu, hướng dẫn phương pháp thực hiện điều tra khảo sát.

- Thực hành: sinh viên tham gia tất cả các hoạt động thực tế tại các cơ sở Thú y địa phương; có sự giám sát và trao đổi giữa cơ sở Thú y và Bộ môn Thú y.

### 9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham gia đầy đủ 100% thời gian thực tập tại các địa phương.
- Ghi chép "Nhật ký thực tập" đầy đủ, có xác nhận của đơn vị tham gia thực tập vào cuối kỳ.
- Báo cáo tổng kết công tác đã thực hiện.
- Nghiêm túc, kỷ luật trong công việc được phân công.

### 10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

#### 10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
1	Điểm chuyên cần	Tham dự đầy đủ 100% thời gian thực tập	20%	CO6

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CĐR HP
2	Đánh giá của đơn vị tiếp nhận thực tập	Dựa trên các phản hồi, xác nhận trong “Nhật ký thực tập” của từng sinh viên	10%	CO5; CO6
3	Điểm đánh giá “Nhật ký thực tập”	- Ghi chép đầy đủ thời gian, nội dung đã thực tập - Kết quả khảo sát, điều tra dịch tễ	20%	CO1; CO2; CO4
4	Điểm báo cáo thu hoạch	- Báo cáo tổng kê các nội dung đã thực hiện - Trình bày bài học kinh nghiệm thực tế	50%	CO1; CO2; CO4; CO5

## 10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

## 11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
[1] Giáo trình dược lý thú y / Huỳnh Kim Diệu.- 636.08957/ D309	MOL.063818; MOL.063829;
[2] Giáo trình miễn dịch học / Trần Ngọc Bích (Chủ biên), Nguyễn Thu Tâm, 9786049198267.- 616.079/ B302	MOL.083828; NN.017539
[3] Giáo trình dịch tễ học thú y nâng cao / Trần Ngọc Bích, Đỗ Trung Giã.- 636.08944/ B302	MOL.071193; MON046710
[4] Giáo trình bệnh truyền nhiễm gia súc gia cầm / Hồ Thị Việt Thu, Nguyễn Đức Hiền.- Cần Thơ: Nxb. Đại học Cần Thơ, 2017.- 365 tr.: Minh họa; 27 cm	
[5] Giáo trình vi sinh thú y / Lưu Hữu Mạnh ( Tủ sách Đại học Cần Thơ) - Năm xuất bản ngoài bìa 2010.- 636.08960194/ M107	MOL.056994; MON.035273

Cần Thơ, ngày 28 tháng 5 năm 2019

TRƯỞNG BỘ MÔN

TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Lê Văn Vàng

PGS.TS. Trần Ngọc Bích